

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị X, sinh năm 1994. Nơi đăng ký HKTT: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Hiện trú tại: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị X có mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/12/2020, bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị X trình bày:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm đến gia đình. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Mạnh H, sinh ngày 29/5/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị.

Chị X hiện đang làm việc tại công ty TNHH Anh Cường có mức thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng/tháng. Chị nhận thấy mình đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung nên đề nghị được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/01/2021, biên bản hòa giải ngày 25/02/2021, anh Trần Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị X tháng 11 năm 2016 có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh không quan tâm đến gia đình vợ con. Anh chị sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Nay chị X có đơn xin ly hôn nhưng anh nhận thấy tình cảm của anh với chị vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Mạnh H, sinh ngày 29/5/2017. Hiện con chung đang sống cùng với chị X. Nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị X nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 3 năm 2021, ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị V (là bố mẹ đẻ anh H) trình bày:

Chị Đặng Thị X và anh Trần Văn H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Gia đình ông bà đã khuyên bảo anh H chị X nhiều lần nhưng không được. Nay chị X có đơn xin ly hôn, anh H đã có bản tự khai trình bày quan điểm. Ông H bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Mạnh H, sinh ngày 29/5/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị X. Quan điểm của ông H bà V là nếu chị X không nhận nuôi dưỡng cháu H thì anh H và gia đình sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị X vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, đã có bản tự khai trình bày quan điểm, có mặt tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất sau đó vắng mặt không có lý do, vắng mặt tại phiên tòa, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS. Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị X và anh H không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị X.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị X. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị X, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Trần Văn H theo đúng quy định của pháp luật. Anh H đã có bản tự khai trình bày quan điểm, có mặt tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất sau đó vắng mặt không có lý do, không có mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về tình cảm: Chị Đặng Thị X và anh Trần Văn H kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn

nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị X và anh H sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị X và anh H đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Mạnh H sinh ngày 29/5/2017. Xét thấy hiện nay cháu H đang sống cùng chị X. Chị X có công việc ổn định, có mức thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng/tháng, có yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H đã có quan điểm nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị X nuôi cháu H. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị X và chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đặng Thị X và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị X được quyền nuôi dưỡng con chung là Trần Mạnh H sinh ngày 29/5/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đặng Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002284 ngày 12/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị X phải nộp. Chị X đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/4/2021). Anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- UBND xã X, huyện X;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh